

Báo cáo thị trường tiền tệ

Lãi suất liên ngân hàng giảm nhờ NHNN gia hạn hợp đồng mua kỳ hạn

NHNN điều chỉnh vị thế thanh khoản

Trong tuần 10W25, NHNN tiếp tục rút thanh khoản, tuy nhiên với mức độ vừa phải nhằm hỗ trợ hệ thống ngân hàng. Cụ thể, NHNN chỉ rút VND 0.86 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng bằng cách phát hành một lượng mua kỳ hạn vừa đủ để bù đắp lượng mua kỳ hạn đáo hạn từ các tuần trước. Trong tuần, NHNN đã phát hành 41.10 nghìn tỷ đồng mua kỳ hạn để bù đắp 45.96 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 4.86 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Trong khi đó, NHNN hạn chế sử dụng tín phiếu hơn khi chỉ phát hành 2.00 nghìn tỷ đồng trong tuần, trong khi có 6.00 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 4.00 nghìn tỷ đồng từ tín phiếu.

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục hạ nhiệt

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm khi NHNN giảm thiểu tác động rút ròng thông qua OMO, trong khi khối lượng giao dịch giảm so với tuần trước. Cụ thể, đường cong lãi suất dốc hơn khi các kỳ hạn ngắn giảm mạnh hơn so với kỳ hạn dài. Lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng lần lượt giảm 73đcb, 73đcb, 63đcb, 55đcb và 45đcb, xuống mức 3.87%, 3.97%, 4.07%, 4.2% và 4.55%, trong khi các kỳ hạn dài hơn giảm khoảng 20đcb xuống vùng 5.00%.

USDVND điều chỉnh khi DXY giảm mạnh

Trong tuần này, USDVND giảm do đồng USD suy yếu đáng kể trên thị trường quốc tế. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.17%, tương đương 44 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,513 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY giảm 3.51% so với tuần trước, lùi về mốc 103. Đồng bạc xanh mất giá một phần do lo ngại về tác động tiêu cực của chính sách thuế mới của Donald Trump đối với nền kinh tế Mỹ. Bên cạnh đó, những bất ổn địa chính trị và chính sách thương mại đã bắt đầu ảnh hưởng đến sức mạnh kinh tế của Mỹ, làm gia tăng rủi ro suy thoái và thúc đẩy Fed có lập trường thận trọng hơn trong lộ trình cắt giảm lãi suất năm nay. Kết thúc tuần trước, chỉ số Nasdaq giảm 3.45%, cho thấy khả năng dòng vốn đang rời khỏi thị trường Mỹ. Trong nước, khối ngoại tiếp tục chuỗi bán ròng trên sàn HOSE với tổng giá trị bán ròng đạt 0.78 nghìn tỷ đồng, chiếm 0.71% tổng giá trị giao dịch trong tuần.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	Corr. ¹
FDI %n/n	13.2	7.6	-6.7	22.1	2.0	9.1	-0.19
Tổng mức bán lẻ %n/n	7.1	9.4	8.4	7.0	9.9	9.4	-0.17
Xuất khẩu %n/n	11.1	10.5	8.4	12.9	-4.0	25.7	-0.13
Nhập khẩu %n/n	11.5	13.8	10.4	19.0	-2.6	40.0	-0.06
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	2.3	2.0	1.1	0.5	3.1	-1.5	-0.12
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.29	0.33	0.13	0.29	0.98	0.34	-0.06
Tín dụng %n/n	16.1	16.7	16.6	15.1	16.1	15.7	-0.24
USDVND %t/t	-1.24	2.91	0.25	0.55	-1.59	1.89	-0.37
PMI(Điểm)	47.3	51.2	50.8	49.8	48.9	49.2	-0.24
VNINDEX %t/t	0.8	-1.8	-1.0	1.5	-0.1	3.2	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN điều chỉnh vị thế thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục hạ nhiệt.....	3
III. Lợi suất TPCP giảm ở hầu hết các kỳ hạn.....	4
IV. USDVND điều chỉnh khi DXY giảm mạnh	6
Thống kê vĩ mô	9
Phụ lục	10

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

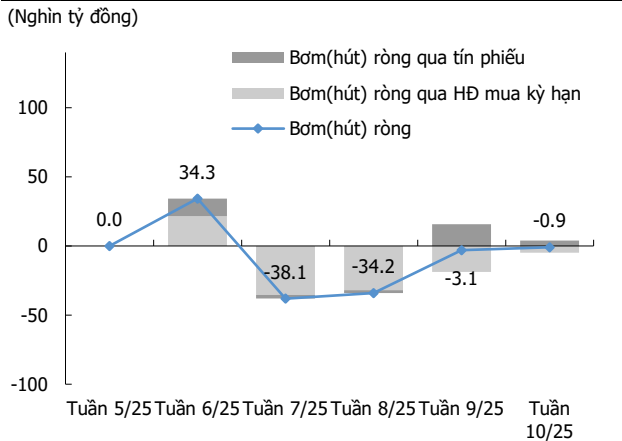
I. NHNN điều chỉnh vị thế thanh khoản

NHNN rút ròng tuần thứ 4 liên tiếp với mức nhẹ khi bơm một lượng mua kỳ hạn vừa đủ để bù đắp lượng mua kỳ hạn đáo hạn

Trong tuần 10W25 (03 đến 07 tháng 3), NHNN tiếp tục rút thanh khoản, tuy nhiên với mức độ vừa phải nhằm hỗ trợ hệ thống ngân hàng. Cụ thể, NHNN chỉ rút VND 0.86 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng bằng cách phát hành một lượng mua kỳ hạn vừa đủ để bù đắp lượng mua kỳ hạn đáo hạn từ các tuần trước. Trong tuần, NHNN đã phát hành 41.10 nghìn tỷ đồng mua kỳ hạn để bù đắp 45.96 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 4.86 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Trong khi đó, NHNN hạn chế sử dụng tín phiếu hơn khi chỉ phát hành 2.00 nghìn tỷ đồng trong tuần, trong khi có 6.00 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng 4.00 nghìn tỷ đồng từ tín phiếu trong tuần này.

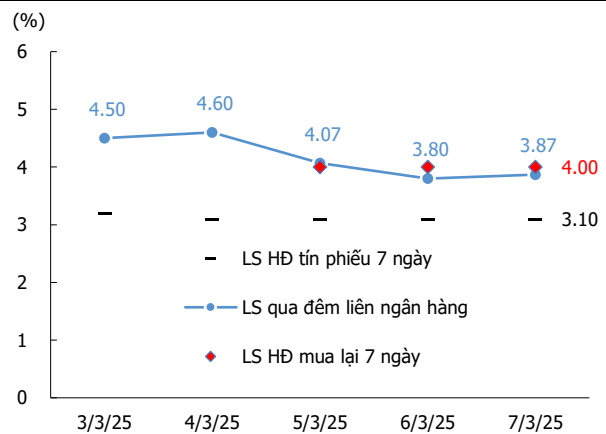
Các tín hiệu trong tuần đã phản ánh rõ định hướng của NHNN sau các chỉ đạo từ Thủ tướng và Chính phủ trong việc hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế. Những động thái đáng chú ý gần đây bao gồm mức rút thanh khoản giảm dần sau 4 tuần liên tiếp, việc hạn chế sử dụng tín phiếu đi kèm với việc giảm lãi suất tín phiếu, phát hành mua kỳ hạn một cách có chủ đích để giảm tác động hút ròng từ lượng mua kỳ hạn đáo hạn, cũng như việc cung cấp mua kỳ hạn ở các kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng, qua đó thể hiện rõ quyết tâm của NHNN trong việc thực thi các chỉ thị nhằm đạt được mục tiêu kinh tế của năm nay.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
5/03/25	12/03/25	7	6.97	4.00
6/03/25	13/03/25	7	0.77	4.00
7/03/25	14/03/25	7	5.49	4.00
Tổng		7	13.2	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 14 ngày

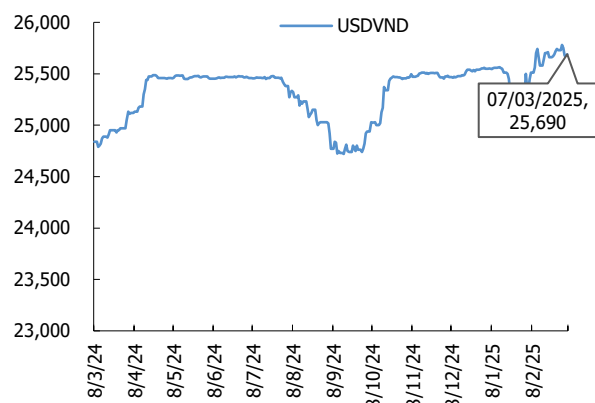
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
3/03/25	17/03/25	14	15.00	4.00
3/03/25	31/03/25	28	5.19	4.00
4/03/25	18/03/25	14	6.44	4.00
4/03/25	1/04/25	28	1.25	4.00
Tổng			27.88	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

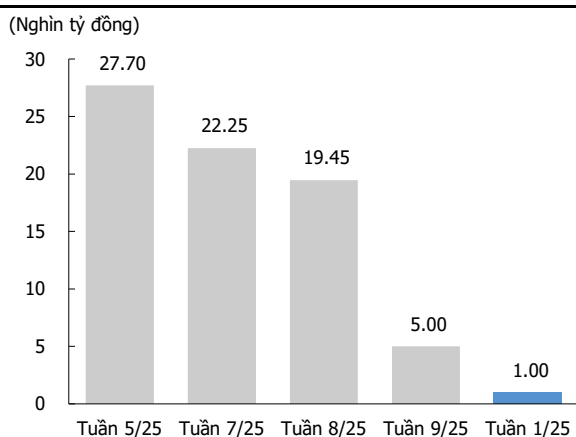
Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ tín phiếu 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
3/03/25	10/03/25	7	1.00	3.20
4/03/25	11/03/25	7	1.00	3.10
Tổng		7	2.00	3.15

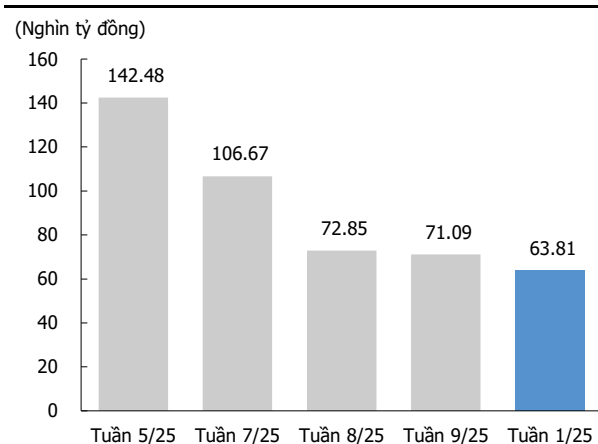
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành

Nguồn: NHNN, KIS

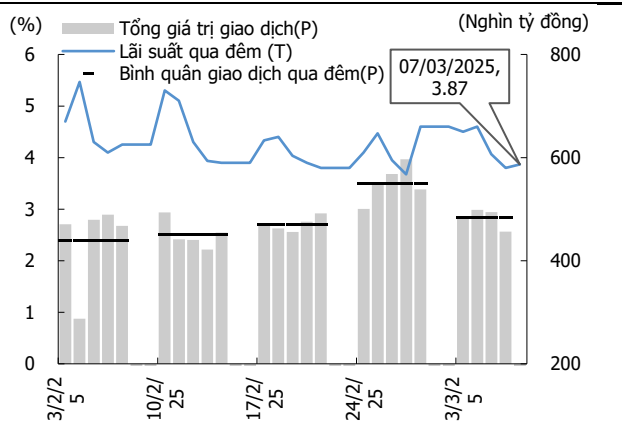
II. Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục hạ nhiệt

Lãi suất kỳ hạn ngắn giảm trên tất cả các kỳ hạn khi áp lực thanh khoản giảm

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm khi NHNN giảm thiểu tác động rút ròng thông qua OMO, trong khi khối lượng giao dịch giảm so với tuần trước. Cụ thể, đường cong lãi suất dốc hơn khi các kỳ hạn ngắn giảm mạnh hơn so với kỳ hạn dài. Lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng lần lượt giảm 73đcb, 73đcb, 63đcb, 55đcb và 45đcb, xuống mức 3.87%, 3.97%, 4.07%, 4.2% và 4.55%, trong khi các kỳ hạn dài hơn giảm khoảng 20đcb xuống vùng 5.00%. Ngoài ra, khối lượng giao dịch trung bình đạt 483.81 nghìn tỷ đồng, giảm 12.09% so với tuần trước.

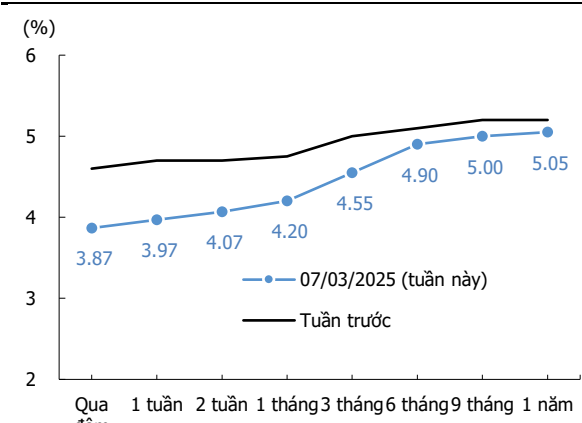
Diễn biến trong tuần cho thấy thanh khoản trong hệ thống tiếp tục hạ nhiệt khi NHNN giảm quy mô rút ròng, sau khi tăng mạnh ở các tuần trước đó. Ngoài ra, tình trạng thanh khoản cũng được cải thiện khi các ngân hàng thực hiện hạ lãi suất huy động theo chỉ đạo của Chính phủ trong Công điện số 19/CĐ-TTg. Trong các tuần tới, chúng tôi dự báo lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục biến động, nhưng có xu hướng giảm nhiều hơn khi NHNN và Chính phủ tiếp tục các nỗ lực thúc đẩy nền kinh tế. Việc đảm bảo thanh khoản dồi dào trong hệ thống sẽ là yếu tố quan trọng nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay trong toàn hệ thống.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



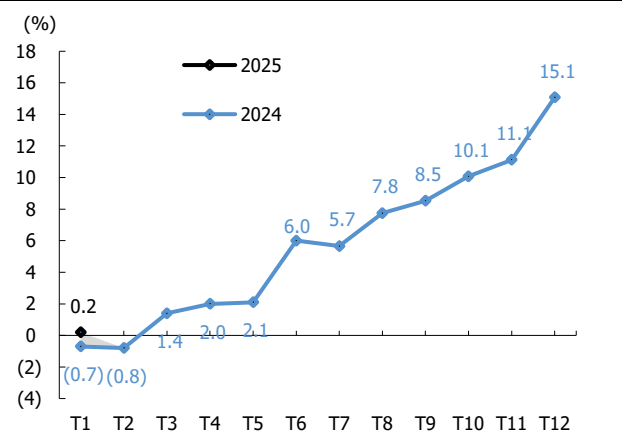
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

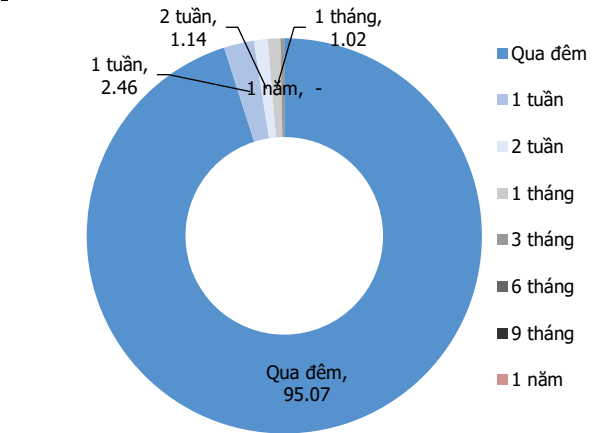
Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 11 tháng 2 năm 2025

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc

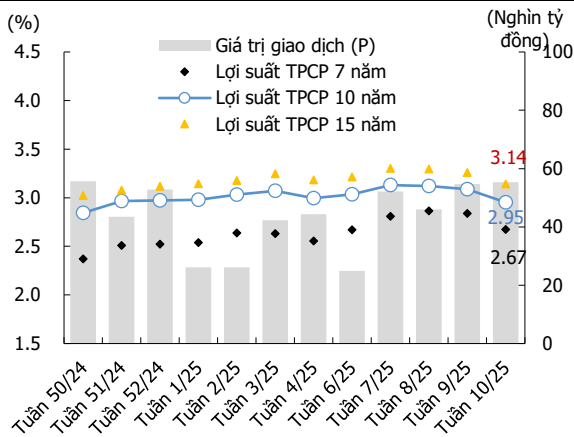


Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP giảm ở hầu hết các kỳ hạn

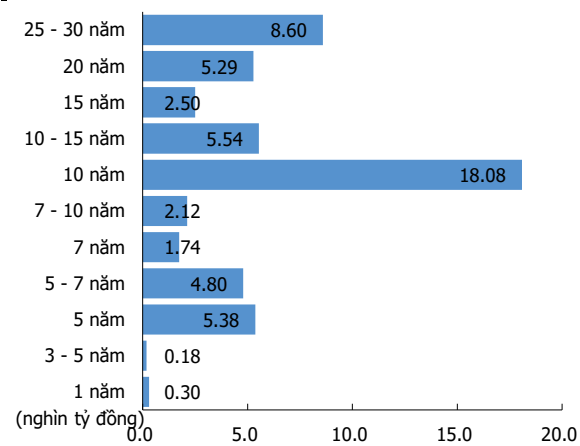
Trong tuần này, lợi suất TPCP giảm ở hầu hết các kỳ hạn, với giá trị giao dịch tăng nhẹ. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn được giao dịch nhiều như 5 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm lần lượt giảm 10đcb, 16đcb, 13đcb và 12đcb, xuống còn 2.32%, 2.67%, 2.95% và 3.14%. Tổng giá trị giao dịch tăng 1.16% so với tuần trước, đạt 55.3 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày là 11.07 nghìn tỷ đồng.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



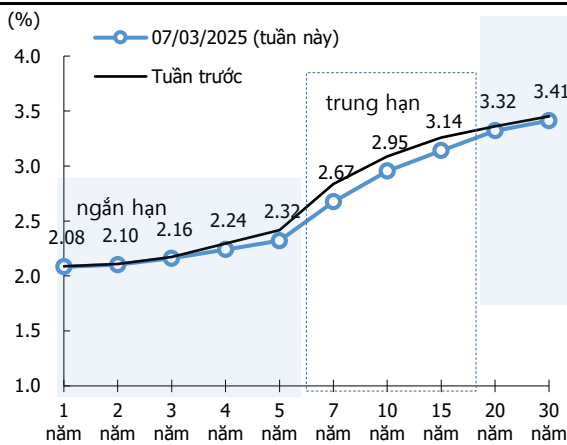
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



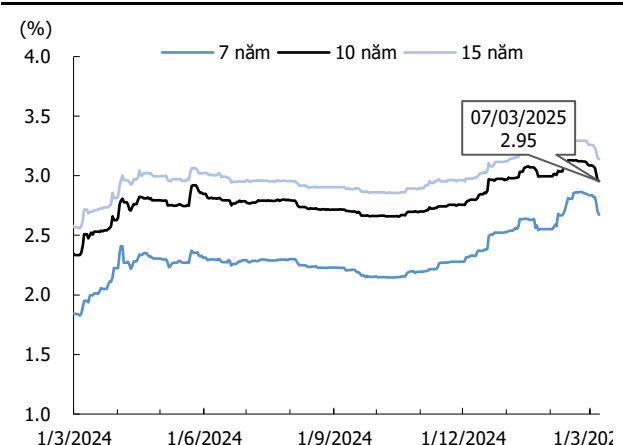
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

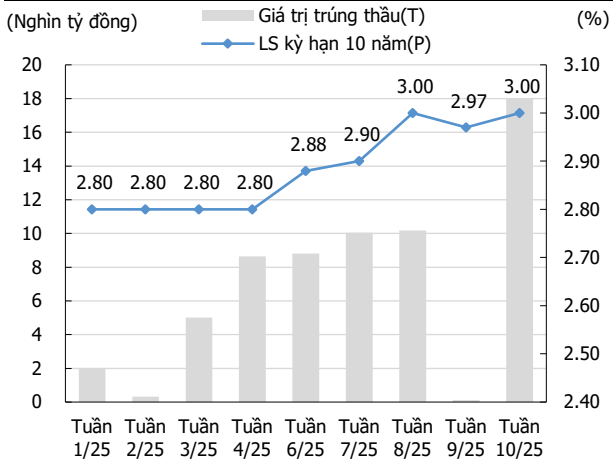
Hình 16: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

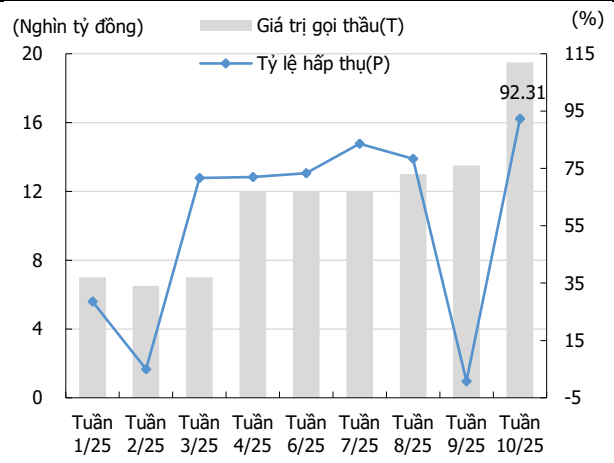
Trên thị trường sơ cấp, tuần 10W25 ghi nhận sự gia tăng mạnh trong hoạt động phát hành trái phiếu, với cả giá trị trúng thầu và lợi suất trúng thầu đều tăng. Cụ thể, KBNN phát hành 18.0 nghìn tỷ đồng trong tuần này, đánh dấu mức cao nhất kể từ năm 2025. Diễn biến này phản ánh kỳ vọng rằng Chính phủ sẽ đẩy mạnh phát hành trái phiếu để huy động vốn cho các dự án đầu tư công và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với mục tiêu phát hành 54 nghìn tỷ đồng trong tháng 3, KBNN cần hoàn thành thêm 36 nghìn tỷ đồng trong ba tuần tới. Do đó, lợi suất trúng thầu, hiện ở mức 3%, nhiều khả năng sẽ duy trì ổn định hoặc giảm nhẹ để hỗ trợ đạt mục tiêu phát hành. Tính từ đầu năm đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 63.11 nghìn tỷ đồng, đạt 12.6% kế hoạch năm 2025, thấp hơn so với mức 13.92% cùng kỳ năm ngoái.

Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần



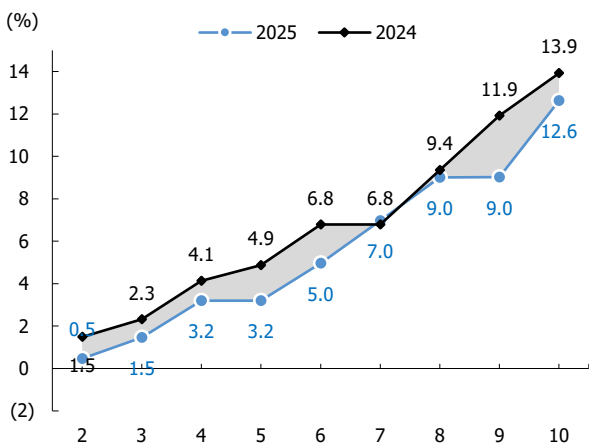
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần



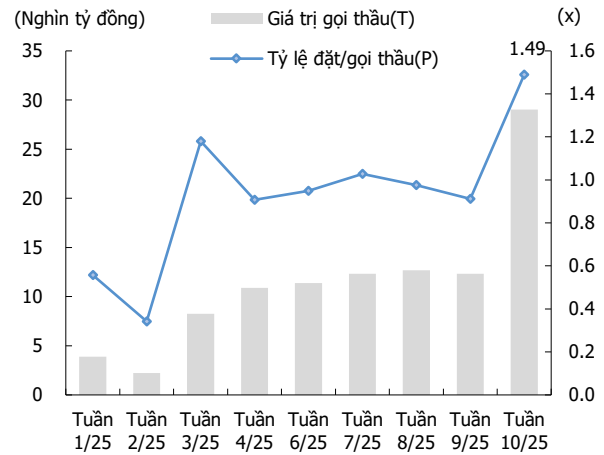
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



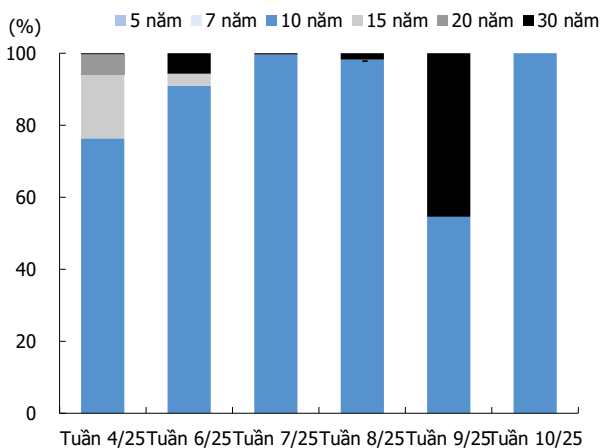
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



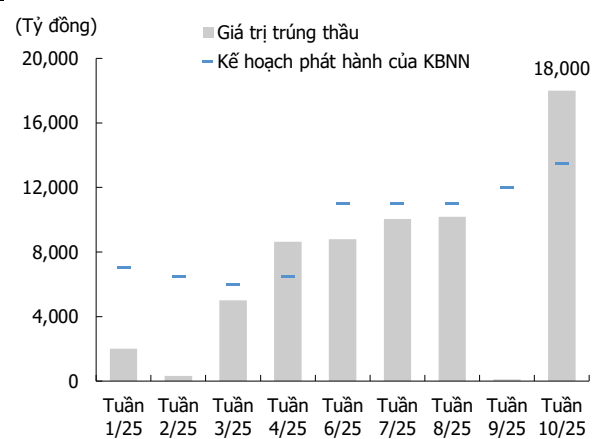
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. USDVND điều chỉnh khi DXY giảm mạnh

USDVND giảm do đồng USD suy yếu đáng kể trên thị trường quốc tế

Trong tuần này, USDVND giảm do đồng USD suy yếu đáng kể trên thị trường quốc tế. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.17%, tương đương 44 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,513 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY giảm 3.51% so với tuần trước, lùi về mốc 103. Đồng bạc xanh mất giá một phần do lo ngại về tác động tiêu cực của chính sách thuế quan mới của Donald Trump đối với nền kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, USD thu hẹp đà giảm nhờ dữ liệu kinh tế khả quan và quyết định của Tổng thống Trump tạm thời hoãn áp thuế nhập khẩu 25% đối với hàng hóa từ Canada và Mexico trong một tháng, chỉ hai ngày sau khi chính sách có hiệu lực. Bên cạnh đó, những bất ổn địa chính trị và chính sách thương mại đã bắt đầu ảnh hưởng đến sức mạnh kinh tế của Mỹ, làm gia tăng rủi ro suy thoái và thúc đẩy Fed có lập trường thận trọng hơn trong lộ trình cắt giảm lãi suất năm nay. Kết thúc tuần trước, chỉ số Nasdaq giảm 3.45%, cho thấy khả năng dòng vốn đang rời khỏi thị trường Mỹ. Trong nước, khối ngoại tiếp tục chuỗi bán ròng trên sàn HOSE với tổng giá trị bán ròng đạt 0.78 nghìn tỷ đồng, chiếm 0.71% tổng giá trị giao dịch trong tuần.

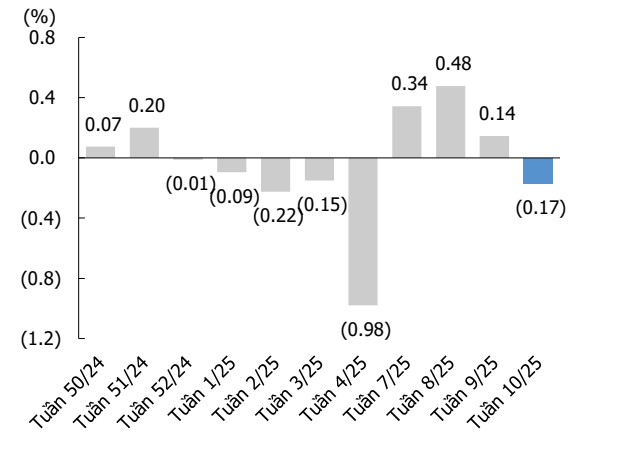
Về diễn biến tỷ giá trên các phân khúc thị trường, giá chào bán USD tại Vietcombank giảm 0.16% (tương đương 40 điểm phần trăm), trong khi trên thị trường tự do tăng nhẹ 0.04% (tương đương 10 điểm phần trăm) so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ghi nhận ở mức 25,690 và 25,840 đồng cho một USD.

Bảng 1. Sự kiện trong tuần

Ngày	Sự kiện	DXY
3/03/25	 - Chỉ số ISM PMI tháng trước đạt 50.3, giảm so với 50.9 trong tháng 1. Dự báo của thị trường là 50.6.	-0.81%
4/03/25	 - Mỹ sẽ áp thuế đối với Mexico, Canada từ thứ Ba; Trump ký lệnh bổ sung thuế 10% lên hàng hóa Trung Quốc.  - Trung Quốc tuyên bố áp thuế 15% lên gà, lúa mì, ngô, bông nhập từ Mỹ; đậu nành, cao lương, thịt lợn, bò, trái cây, rau củ, thủy sản và sữa chịu thuế 10%.	-0.94%
5/03/25	 - Nhà Trắng hoãn một tháng thuế nhập khẩu đối với ô tô Mexico và Canada nếu tuân thủ USMCA. - Chỉ số ISM PMI dịch vụ tháng 2 tăng bất ngờ lên 53.5 từ 52.8 trong tháng 1, cao hơn dự báo 52.6.	-1.39%
6/03/25	 - Xuất khẩu Việt Nam tháng 2 đạt 31.11 tỷ USD (+25.67% YoY), nhập khẩu 32.66 tỷ USD (+39.99% YoY), thâm hụt thương mại 1.55 tỷ USD.  - Trump xác nhận hàng hóa và dịch vụ từ Mexico, Canada tuân thủ USMCA sẽ được hoãn thuế 25% trong một tháng. - Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm 21K xuống 221K trong tuần cuối tháng 2, thấp hơn dự báo 235K.	-0.21%
7/03/25	 - Bảng lương phi nông nghiệp tháng 2 đạt 151K, tăng so với 125K (điều chỉnh giảm) của tháng 1, nhưng thấp hơn dự báo 160K. - Tỷ lệ thất nghiệp Mỹ tăng lên 4.1% trong tháng 2, so với 4.0% của tháng 1, cao hơn một chút so với dự báo.	-0.22%

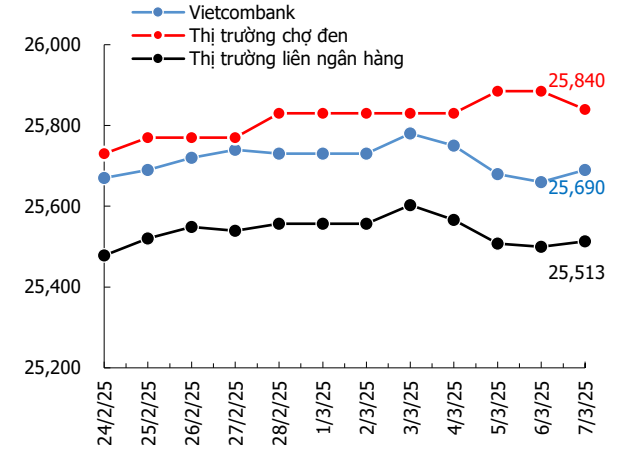
Nguồn: KIS

Hình 23: Diễn biến của USDVND theo tuần



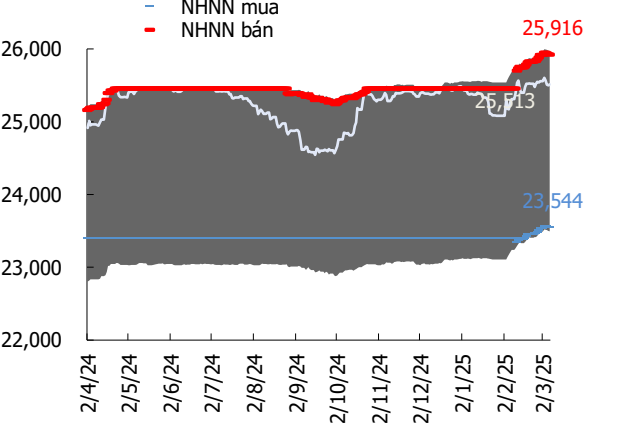
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



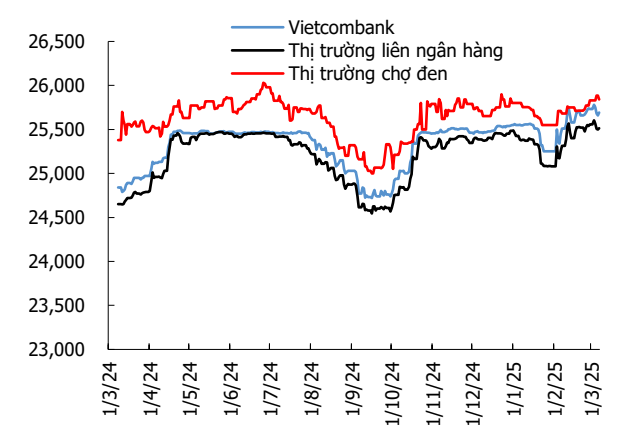
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 25: Diễn biến giao dịch của NHNN



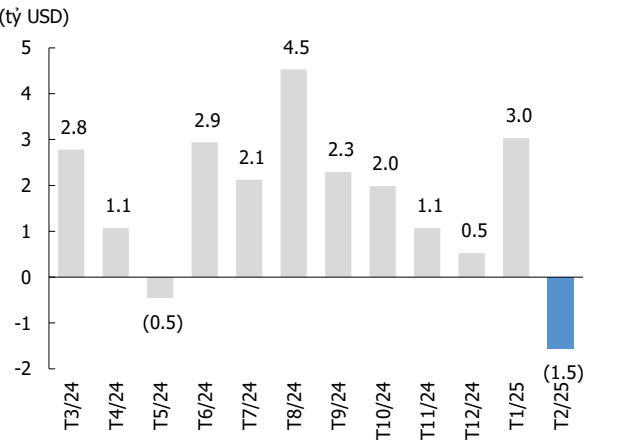
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 26: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



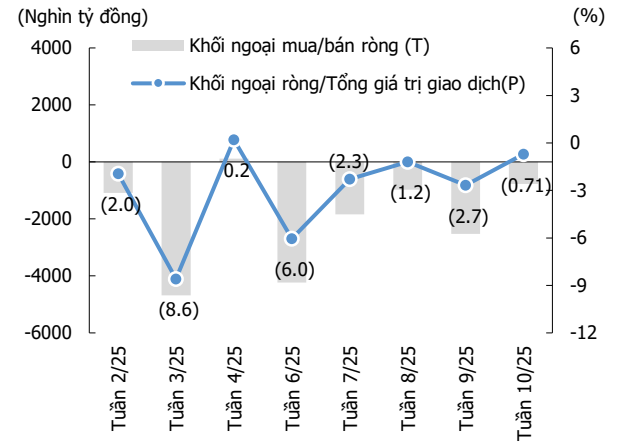
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 27: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



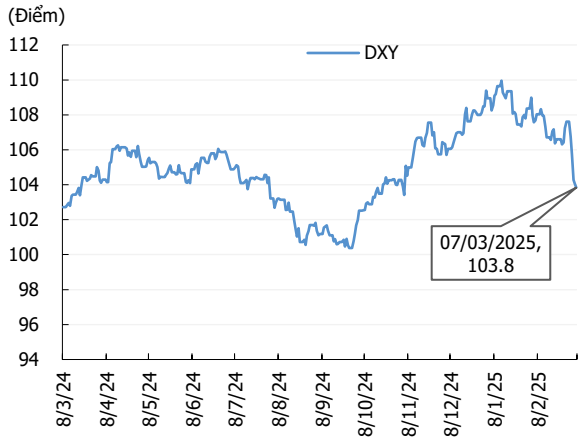
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 20 tháng 2, 2024

Hình 28: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 29: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 30: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	8W25	9W25	10W25	2025YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	-0.09	0.94	-3.51	-4.29
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	-0.07	0.36	-0.45	-0.73
USDEUR	Tỷ giá thả nổi	0.33	0.80	-4.23	-4.42
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	-2.00	0.91	-1.72	-5.83
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	-0.49	1.83	-0.74	-1.53
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	-0.21	1.11	-1.51	-2.54
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-0.02	1.67	-1.54	-1.31
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.48	0.14	-0.17	0.10

Nguồn: NHNN, Bloomberg

Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						5.66	6.93	7.43	7.55	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	2.48	4.12	6.85	4.34	2.57	6.18	9.01	9.59	13.44	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.24	2.29	2.23	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	35.59	33.73	35.53	32.15	31.11	93.06	98.2	108.6	105.9	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	33.60	32.67	35.00	30.92	32.66	84.98	94.0	99.7	101.9	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	10.09	8.16	12.85	-4.05	25.67	16.98	13.59	15.82	11.46	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	13.56	9.81	19.23	-2.32	39.99	13.88	20.65	17.19	14.91	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	2.68	2.77	2.94	3.63	2.91	3.77	4.39	3.48	2.87	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	25,282	25,346	25,386	25,082	25,530	24,786	25,458	24,093	25,386	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	16.7	16.6	15.1	16.1	15.7	12.5	15.3	16.1	13.8	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	2.70	2.76	2.94	2.99	3.18	2.59	2.81	2.66	2.94	2.11	5.08	2.39	2.94

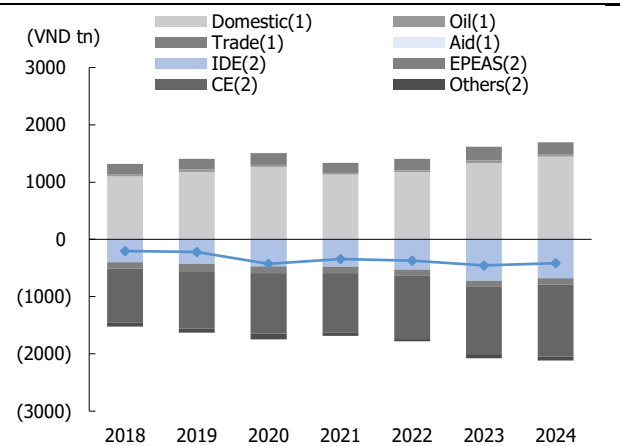
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

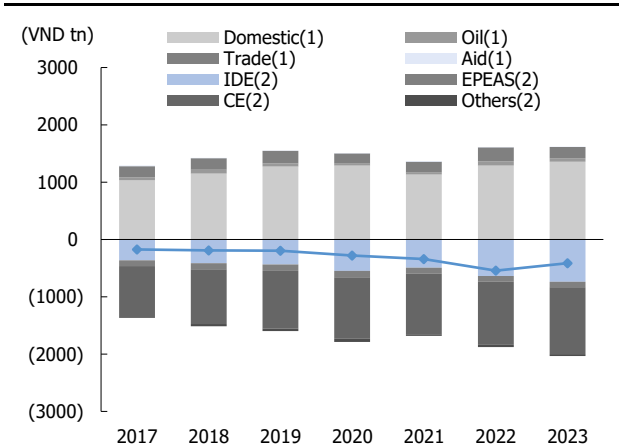
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 3.00%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 92.31%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 1.49%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~103.8
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.87%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This mua kỳ hạnrt has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This mua kỳ hạnrt is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this mua kỳ hạnrt and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this mua kỳ hạnrt or its contents. This mua kỳ hạnrt is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this mua kỳ hạnrt may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.